

児童生徒結核検診問診票

Bảng câu hỏi kiểm tra bệnh lao cho học sinh

年度入学

Nhập học vào năm 20.....

学校名 Tên trường học									
ふりがな Phiên âm bằng hiragana					男・女 Nam・Nữ		年 月 日生 Sinh Năm Tháng Ngày		
氏 名 Họ và tên học sinh									
学 年 Lớp	小1 Lớp 1	小2 Lớp 2	小3 Lớp 3	小4 Lớp 4	小5 Lớp 5	小6 Lớp 6	中1 Lớp 7(Lớp 1 THCS)	中2 Lớp 8(Lớp 2 THCS)	中3 Lớp 9(Lớp 3 THCS)
組 Nhóm									
番 号 Số									
記入日 Ngày điền vào									
保護者確認印 Đóng dấu của phụ huynh									

保護者の方へ Kí nh gửi quý phụ huynh,

子どもたちが楽しく意義ある学校生活を送るためには、健康に気をつけなければなりません。
Để học sinh có được môi trường học tập tại trường vui vẻ và ý nghĩa, chúng ta phải cẩn thận và chú ý về sức khỏe của học sinh..

結核についての健康管理は大切であり、学校においては定期健康診断の中で実施していきます。
この問診票は結核に関する健康診断が正しく行われるために必要ですので、保護者の方の正確な御記入をお願いいたします。

Việc quản lý sức khỏe đối với bệnh lao là rất quan trọng, nên nhà trường sẽ thực hiện trong lần khám sức khỏe định kỳ. Bảng câu hỏi này là cần thiết để thực hiện tốt việc kiểm tra bệnh lao, nên mong quý phụ huynh điền các thông tin chính xác.

なお、この問診調査は結核検診以外には使用されません。
Kết quả của bảng câu hỏi này không được sử dụng cho mục đích khác ngoài kiểm tra bệnh lao.

教 育 委 員 会

Ủy ban Giáo dục

○ 太線枠内は保護者の方が記入してください。

氏 名

学年 所屬年級			小学校1年 Lớp 1	小学校2年 Lớp 2	小学校3年 Lớp 3	小学校4年 Lớp 4	小学校5年 Lớp 5	小学校6年 Lớp 6	中学校1年 Lớp 7 (Lớp 1 THCS)	中学校2年 Lớp 8 (Lớp 2 THCS)	中学校3年 Lớp 9 (Lớp 3 THCS)
1	お子さまが今までに、結核性の病気（例、肺 しんじゅん きょうまん ぜんそく 浸潤、胸膜炎、または肋膜炎、頸部リンパ せつつかく 節結核）にかかったことがありますか？		はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ
	Học sinh đã từng bị bệnh lao (ví dụ: nhiễm phổi, viêm màng phổi, lao hạch bạch huyết cổ) bao giờ chưa?		Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa
	「はい」 の場合 Trong trường hợp "R ô ` i",	いつ頃ですか？	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃
		Bao giờ?	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng	Năm 20....Tháng
病名を記入してください			病名（ ）	病名（ ）	病名（ ）	病名（ ）	病名（ ）	病名（ ）	病名（ ）	病名（ ）	病名（ ）
Hãy ghi tên bệnh.			Tên bệnh	Tên bệnh	Tên bệnh	Tên bệnh	Tên bệnh	Tên bệnh	Tên bệnh	Tên bệnh	Tên bệnh
2	お子さまが今までに、結核に感染したと診断され、あるいは感染が疑われ、予防のお薬を飲んだことがありますか？		はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ
	Học sinh đã từng bị chẩn đoán mắc bệnh lao hay nghi ngờ bị nhiễm lao và uống thuốc phòng bệnh bao giờ chưa?		Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa
	「はい」の場合、いつ頃ですか？		年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃
Trong trường hợp "Rồi", bao giờ?			NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng
3	お子さまが生まれてから、家族や同居人で結核にかかった人がいますか？		はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ
	Có ai bị bệnh lao trong gia đình hay người cùng nhà kể từ khi học sinh sinh ra không?		Có Không	Có Không	Có Không	Có Không	Có Không	Có Không	Có Không	Có Không	Có Không
	「はい」の場合、いつ頃ですか？		年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃	年 月 頃
Trong trường hợp "Có", bao giờ?			NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng	NămTháng
4	お子さまが、過去3年以内に通算して半年以上外国に住んでいたことがありますか？		はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ	はい いいえ
	Học sinh đã từng sống ở nước ngoài hơn nửa năm trong vòng 3 năm qua bao giờ chưa?		Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa	Rồi Chưa
	「はい」 の場合 Trong trường hợp "R ô ` i",	それはどこの国ですか？	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia	国名 T ê n qu ô ` c gia
		Ở nước nào?	()	()	()	()	()	()	()	()	()
		滞在期間を記入してください	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月	年 月～ 年 月
		Hãy ghi thời gian lưu trú	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng	Năm Tháng ～Năm Tháng
		日本に帰国あるいは住み始めてからこれまでに、ツベルクリン反応検査または胸部X線検査を受けましたか？	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi	受けていない 受けた Rồi
		Học sinh đã được xét nghiệm phản ứng lao tố hay kiểm tra X-quang ngực từ khi con có?	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng	Chưa 年 月頃 Năm tháng
ツ反検査・ Phản ứng lao tố・		ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	ツ反検査・ Phản ứng lao tố・	

